

Số: 23 /2010/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 26 tháng 11 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định điều kiện an toàn của phương tiện thủy thô sơ có trọng tải toàn phần dưới một tấn hoặc có sức chở dưới năm người hoặc bè trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ khoản 4 Điều 24 Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định điều kiện an toàn của phương tiện thủy thô sơ có trọng tải toàn phần dưới một tấn hoặc có sức chở dưới năm người hoặc bè trên địa bàn tỉnh Hải Dương".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *lkb*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế (Bộ Giao thông vận tải);
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Ban An toàn giao thông tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT: *lkb*

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Minh**

## **QUY ĐỊNH**

**Điều kiện an toàn của phương tiện thủy thô sơ  
có trọng tải toàn phần dưới một tấn hoặc có sức chở dưới năm người  
hoặc bè trên địa bàn tỉnh Hải Dương**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 23/2010/QĐ-UBND  
ngày 26 tháng 11 năm 2010 của UBND tỉnh Hải Dương)

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định điều kiện an toàn của phương tiện thủy thô sơ có trọng tải toàn phần dưới một tấn hoặc có sức chở dưới năm người hoặc bè trên địa bàn tỉnh Hải Dương, trừ phương tiện làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng, tàu thuyền thể thao và tàu cá.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của phương tiện thủy thô sơ có trọng tải toàn phần dưới một tấn hoặc có sức chở dưới năm người hoặc bè trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trọng tải toàn phần của phương tiện là tổng các trọng lượng thành phần tính bằng tấn bao gồm: hàng hoá, hành khách và hành lý, nước ngọt, lương thực, thực phẩm, tư trang của người... trên phương tiện.
2. Phương tiện thủy thô sơ là phương tiện thủy không có động cơ, di chuyển bằng sức người hoặc sức gió, sức nước.
3. Bè là phương tiện được ghép lại bằng tre, nứa, gỗ hoặc các vật nổi khác để di chuyển hoặc dùng làm phương tiện vận chuyển tạm thời trên đường thủy nội địa.
4. Chiều dài lớn nhất (ký hiệu  $L_{max}$ ): Là khoảng cách tính bằng mét, đo theo chiều dọc trên boong ở mặt phẳng dọc tâm từ điểm mút lái đến điểm mút mũi của phương tiện.
5. Chiều rộng lớn nhất (ký hiệu  $B_{max}$ ): Là khoảng cách tính bằng mét, đo theo chiều ngang trên boong ở mặt cắt rộng nhất của phương tiện.
6. Chiều cao mạn (ký hiệu  $D$ ): Là khoảng cách tính bằng mét, đo từ đáy phương tiện đến mặt boong tại vị trí giữa chiều dài lớn nhất;

7. Vạch dấu mớn nước an toàn là vạch đánh dấu trên phương tiện để giới hạn phần thân phương tiện được phép chìm trong nước khi hoạt động.

8. Mạn khô (ký hiệu F): Là khoảng cách tính bằng mét, là chiều cao của phần thân phương tiện từ mép trên vạch dấu mớn nước an toàn đến mép boong.

9. Sức chở của phương tiện là trọng tải toàn phần hoặc sức chở người của phương tiện ứng với vạch dấu mớn nước an toàn.

## **Chương II** **ĐIỀU KIỆN AN TOÀN**

### **Điều 4. Điều kiện an toàn về kết cấu**

1. Đối với phương tiện thủy thô sơ có trọng tải toàn phần dưới một tấn hoặc có sức chở dưới năm người :

a) Thân phương tiện phải chắc chắn, không bị thủng, rò, rỉ nước vào bên trong;

b) Đối với thân phương tiện bằng thép: Trong mọi trường hợp, chiều dày các cơ cấu, tôn bao, khung xương không nhỏ hơn 2mm;

c) Đối với thân phương tiện bằng gỗ: Các cơ cấu không bị mục, dập, gãy, nứt... các mối nối không bị lỏng, các mối xảm không bị nước rò rỉ vào bên trong;

d) Đối với thân phương tiện bằng nan tre: Lớp trát kín nước không tróc cục bộ, các nan không bị mục, gãy, dập hoặc các mối nối buộc không bị mất tác dụng;

đ) Đối với thân phương tiện bằng xi măng lưới thép, xi măng cốt tre: Không có vết nứt, vỡ cục bộ và không bị lộ cốt, cốt không bị mục, dập, gãy, lớp xi măng trát không bị tróc;

e) Đối với thân phương tiện bằng Composite (vật liệu tổng hợp) hoặc vật liệu khác, không bị nứt, mục, dập, gãy cục bộ.

2. Đối với Bè:

a) Vật liệu: Vật liệu làm bè phải được liên kết với nhau thành một khối, đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển, di chuyển không làm cản trở và ảnh hưởng đến giao thông đường thủy nội địa;

b) Kích thước: Chiều dài lớn nhất không quá 25m, chiều rộng lớn nhất không quá 5m.

### **Điều 5. Điều kiện an toàn về trang, thiết bị**

1. Thiết bị chuyển động

a) Chuyển động bằng be chèo: Be chèo không bị mối mọt, gãy, vỡ và phải được cố định với thân phương tiện khi hoạt động. Số lượng be chèo không ít hơn 1 bộ (hai be chèo) đối với phương tiện có chiều dài lớn nhất nhỏ hơn 5m; không ít hơn 2 bộ đối với phương tiện có chiều dài lớn nhất lớn hơn 5m.

b) Chuyển động bằng dây kéo: Dây kéo đủ độ bền, không bị xơ, dập và phải cố định chắc chắn vào thân phương tiện qua thiết bị buộc dây, có đệm chống va khi phương tiện cập bến;

c) Mỗi phương tiện phải được trang bị ít nhất 01 cây sào bằng tre để chống hoặc đẩy khi cần thiết.

2. Trang bị cứu sinh: Phương tiện phải có phao cứu sinh hoặc các vật dụng nổi khác như: can nhựa, ống luồng, tấm xốp... đảm bảo đủ cho số người đi trên phương tiện sử dụng khi cần thiết.

3. Trang bị cứu đuối: Mỗi phương tiện phải có ít nhất 01 gầu múc nước có dung tích trên 03 lít và các vật dụng như: nệm gỗ, giẻ, phoi xảm, đinh.... để khắc phục sự cố khi cần thiết.

4. Trang bị chằng buộc, cầu lên xuống

a) Phương tiện chở hàng hoá phải bố trí vị trí buộc dây, hàng hóa phải được chằng buộc đảm bảo chắc chắn, an toàn khi vận chuyển.

b) Phương tiện chở người phải có cầu lên xuống thuận tiện, an toàn.

#### **Điều 6. Điều kiện an toàn về sức chở**

1. Sơn vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện

Dấu mớn nước an toàn của phương tiện được sơn bằng một vạch sơn có màu khác với màu sơn mạn phương tiện, vạch sơn có chiều rộng 25mm, chiều dài 250mm, nằm ngang trên hai bên mạn tại vị trí giữa của chiều dài lớn nhất cách mép boong 100mm đối với phương tiện chở hàng hoá, cách mép boong 200mm đối với phương tiện chở người.

2. Đối với phương tiện chở hàng hoá: Sức chở lớn nhất là trọng tải toàn phần (dưới 1 tấn) được xếp trực tiếp và cân bằng trên phương tiện tương ứng với mạn khô của phương tiện bằng 100mm.

3. Đối với phương tiện chở người: Sức chở lớn nhất là số người (dưới 5 người) xếp đủ chỗ ngồi và cân bằng trên phương tiện tương ứng với mạn khô của phương tiện bằng 200 mm.

#### **Điều 7. Điều kiện hoạt động của phương tiện**

1. Phương tiện phải đảm bảo đủ các điều kiện an toàn theo Điều 4, Điều 5, Điều 6 của Quy định này.

2. Có bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện theo mẫu quy định tại phụ lục 1 của Quy định này.

3. Phương tiện được kê vạch dấu mớn nước an toàn và không chở quá sức chở lớn nhất.

4. Phương tiện thô sơ và bè không được hoạt động về ban đêm hoặc ban ngày trời tối, sương mù, tầm nhìn bị hạn chế hoặc nước báo động trên cấp 1, gió từ cấp 5 trở lên. Trường hợp đặc biệt phải hoạt động về ban đêm hoặc khi trời tối, sương mù, tầm nhìn bị hạn chế thì phải thắp một đèn đỏ sáng 4 phía, đặt ở giữa phương tiện và cao ít nhất 1,5m so với mặt nước.

### Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### Điều 8. Trách nhiệm của chủ phương tiện

1. Đo các kích thước cơ bản, xác định sức chở, sơn vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu theo quy định tại điều 6 của Quy định này.

2. Kê khai điều kiện an toàn của phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Quy định này và nộp một bản kê khai cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi chủ phương tiện đăng ký hộ khẩu thường trú.

3. Có trách nhiệm duy trì và đảm bảo các điều kiện an toàn theo Quy định này khi phương tiện hoạt động.

#### Điều 9. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

Kiểm tra, đôn đốc các chủ phương tiện thực hiện Quy định này và lập sổ theo dõi, quản lý tình hình hoạt động của phương tiện thủy thô sơ tại địa phương.

#### Điều 10. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tổ chức triển khai thực hiện Quy định này đến các tổ chức, cá nhân đang sử dụng, khai thác phương tiện thủy thô sơ có trọng tải toàn phần dưới một tấn, hoặc có sức chở dưới năm người hoặc bè trên địa bàn; định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thông qua Sở Giao thông vận tải tổng hợp (báo cáo theo mẫu Phụ lục 2 của Quy định này).

#### Điều 11. Công an tỉnh

Chỉ đạo lực lượng chức năng phối hợp với các lực lượng liên quan kiểm tra xử lý các hành vi vi phạm Quy định này theo Nghị định số 09/2005/NĐ-CP ngày 27/10/2005 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

#### Điều 12. Sở Giao thông vận tải

Có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn các địa phương tổ chức quản lý phương tiện theo quy định và là cơ quan thường trực, tiếp nhận, tổng hợp các ý kiến bổ sung, sửa đổi, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời xem xét, điều chỉnh trong quá trình thực hiện quy định này. / *lsp*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Nguyễn Thị Minh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**Điều kiện an toàn của phương tiện thủy thô sơ có trọng tải toàn phần dưới một tấn hoặc sức chở dưới năm người hoặc bè;**

Tên chủ phương tiện:.....

Địa chỉ chủ phương tiện:.....

Loại phương tiện: .....

Vật liệu đóng phương tiện: .....

Kích thước phương tiện:

$(L_{\max} \times B_{\max} \times D) = (\dots \times \dots \times \dots) \text{ m}$

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:.....tấn.

b) Sức chở người:.....người.

Tình trạng thân vỏ:.....

Vạch dấu môn nước an toàn đã được sơn (kẻ) trên hai mạn và mạn khô còn:.....mm

Dụng cụ cứu sinh: số lượng..... (chiếc); Loại .....

Đèn tín hiệu: .....

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại:.....ngày.....tháng.....năm.....

**Chủ phương tiện**  
(ký và ghi rõ họ tên)

UBND HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

**BÁO CÁO**

**Tình hình hoạt động của phương tiện thủy thô sơ có trọng tải toàn phần dưới một tấn, hoặc có sức chở dưới năm người hoặc bè  
(Tính đến ngày 31 tháng 12 năm.....)**

Số TT	Loại phương tiện	Số lượng phương tiện	Đã kê khai điều kiện an toàn	Ghi chú
1	Phương tiện thủy thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn hoặc có sức chở dưới 5 người			
2	Bè			

**CHỦ TỊCH**  
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

-  
-